TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2022/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Nguyễn Đức Đ, SN: 1990

2. Chị Bùi Thị H, SN: 1995

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Ngọc B, SN: 05/10/2014

- Cháu Nguyễn Bảo N, SN: 03/11/2016

- Cháu Nguyễn Tuấn A, SN: 25/05/2018

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu: Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Bảo N, Nguyễn Tuấn A là anh Nguyễn Đức Đ (Bố đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Đ và chị Bùi Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 20/03/2013 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, chăm sóc con và quản lý kinh tế. Từ tháng 08/2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn và gia đình đã động viên nhưng anh chị không thể đoàn tụ được. Nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, yêu cầu của anh chị là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về việc nuôi con chung:

Anh Nguyễn Đức Đ và chị Bùi Thị H cùng xác nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Ngọc B, SN: 05/10/2014, cháu Nguyễn Bảo N, SN: 03/11/2016; cháu Nguyễn Tuấn A, SN: 25/05/2018. Anh Đ và chị H thỏa thuận: Anh Nguyễn Đức Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Bảo N, Nguyễn Tuấn A đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung nêu trên, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ và chị H là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Đ, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Đ và chị Bùi Thị H đều thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức Đ và chị Bùi Thị H cùng xác nhận vợ chồng có ba con chung là Cháu Nguyễn Ngọc B, SN: 05/10/2014, cháu Nguyễn Bảo N, SN: 03/11/2016; cháu Nguyễn Tuấn A, SN: 25/05/2018. Anh Nguyễn Đức Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Bảo N, Nguyễn Tuấn A đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung nêu trên, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức Đ tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010727 ngày 14/09/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, anh Đ đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện V;
- UBND xã N;
- THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện